



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cấp nước Quảng Bình

Ngày 30/09/2025	7,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0.0%	0.0%

DT thuần Q3/25
37.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80 5.0%
YoY: ▲ 0.70 1.9%

LN thuần Q3/25
4.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.27 6.0%
YoY: ▼ 1.05 -17.7%

LN sau thuế Q3/25
3.87
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.19 5.2%
YoY: ▼ 0.88 -18.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
13.9%
YoY: +/- ▼ 0.0%

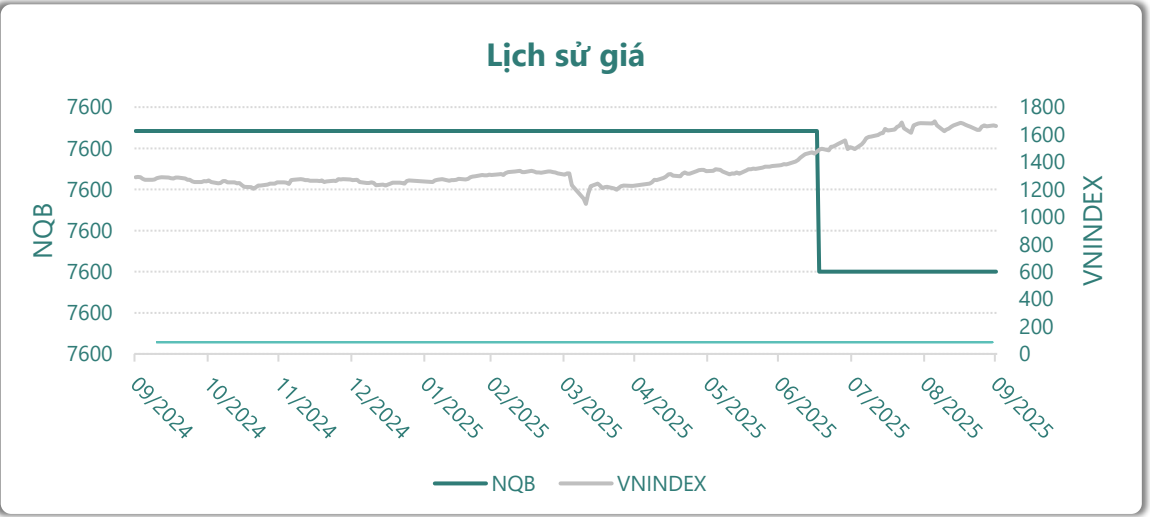
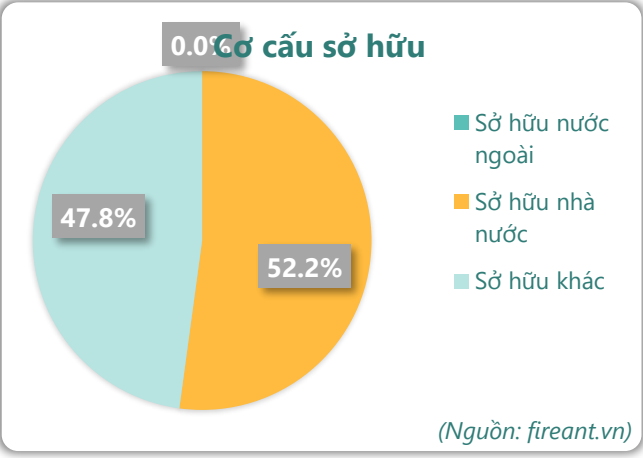
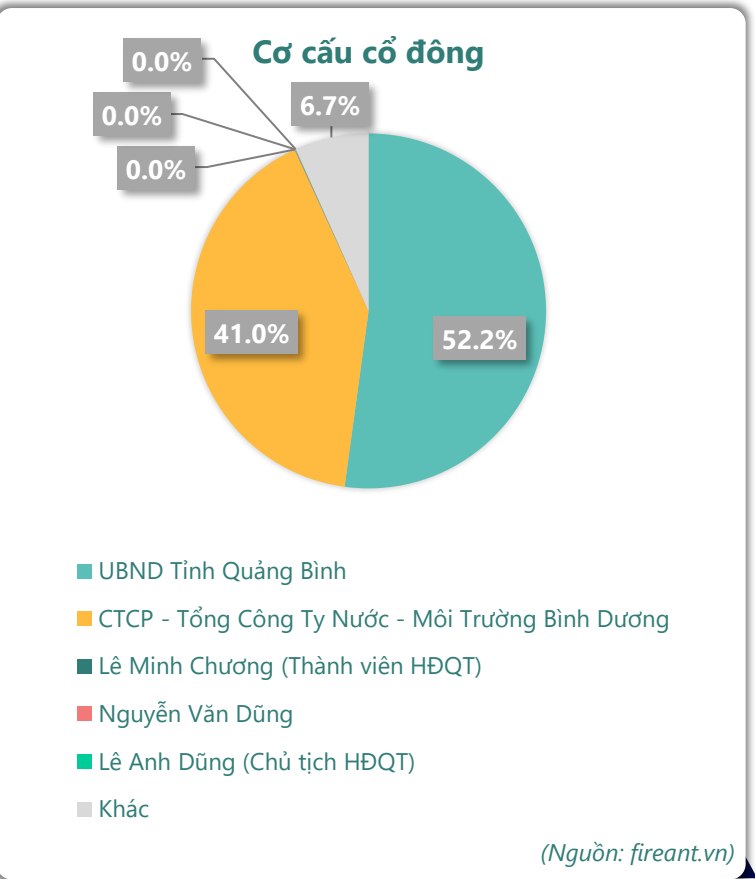
ROE (TTM) Q3/25
5.9%
YoY: +/- ▼ 0.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,600 - 7,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
Số lượng CPLH (CP)	17,230,204
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.00)
EPS	656
P/E	11.6

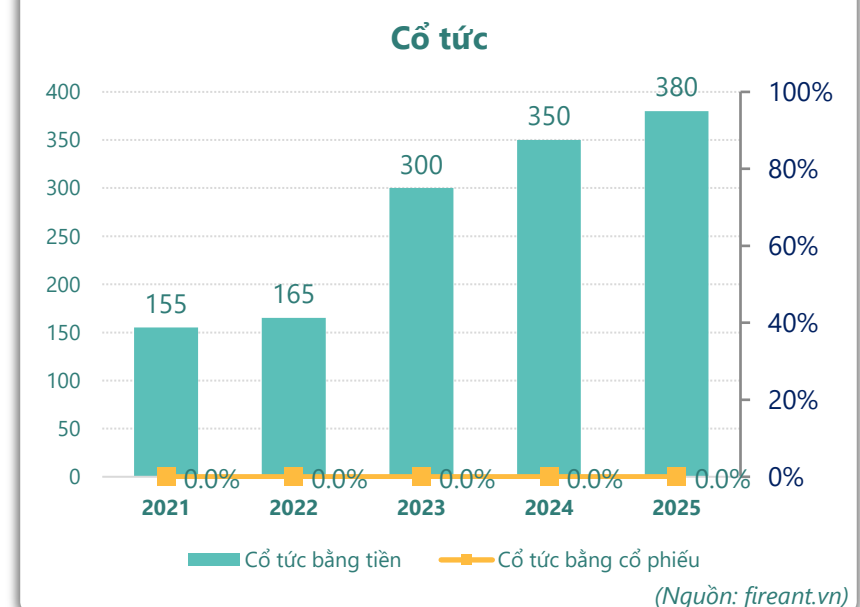
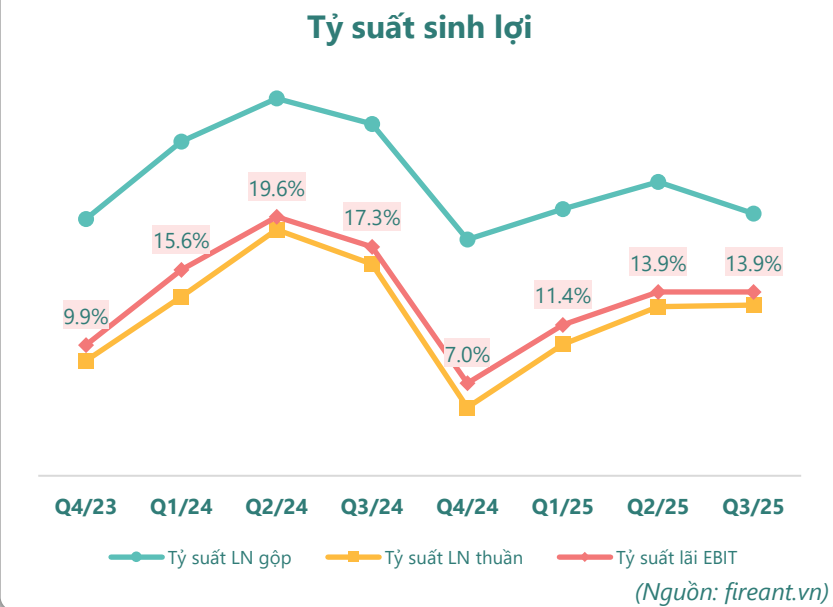
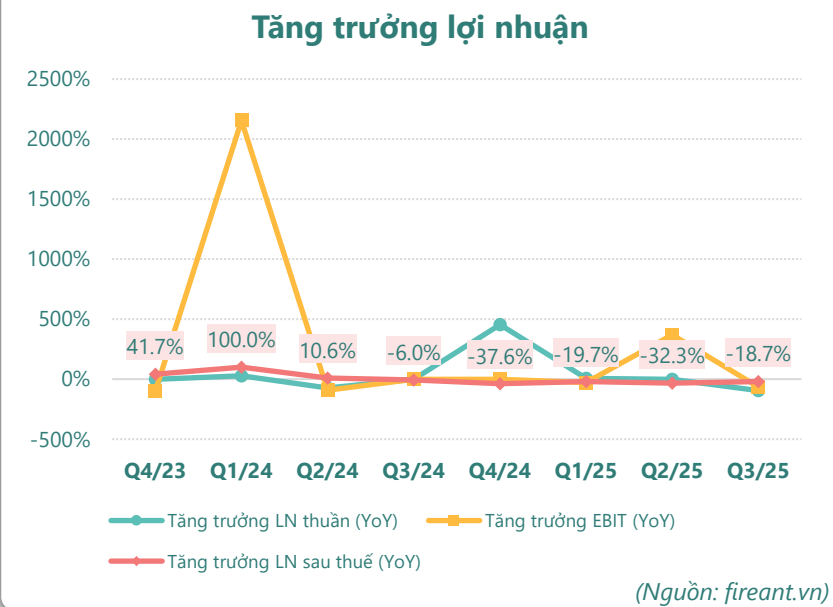
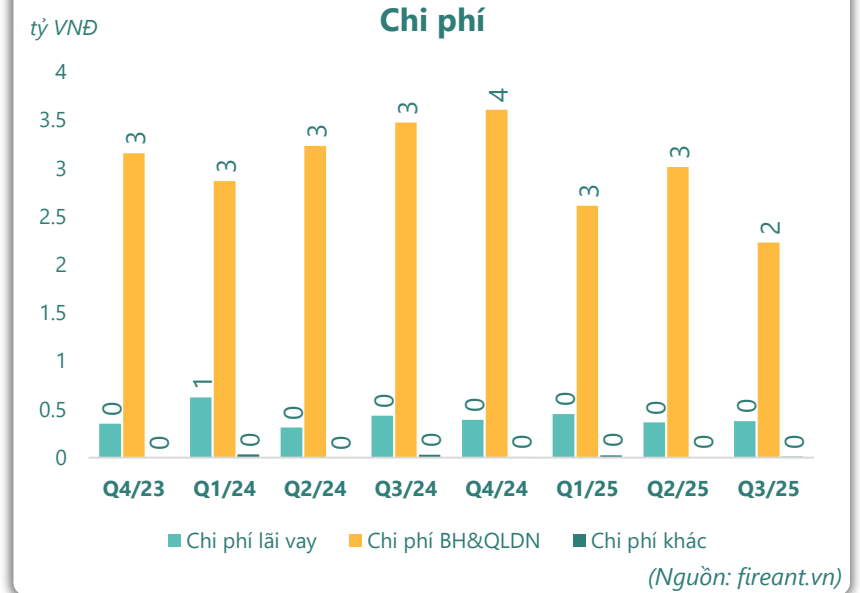
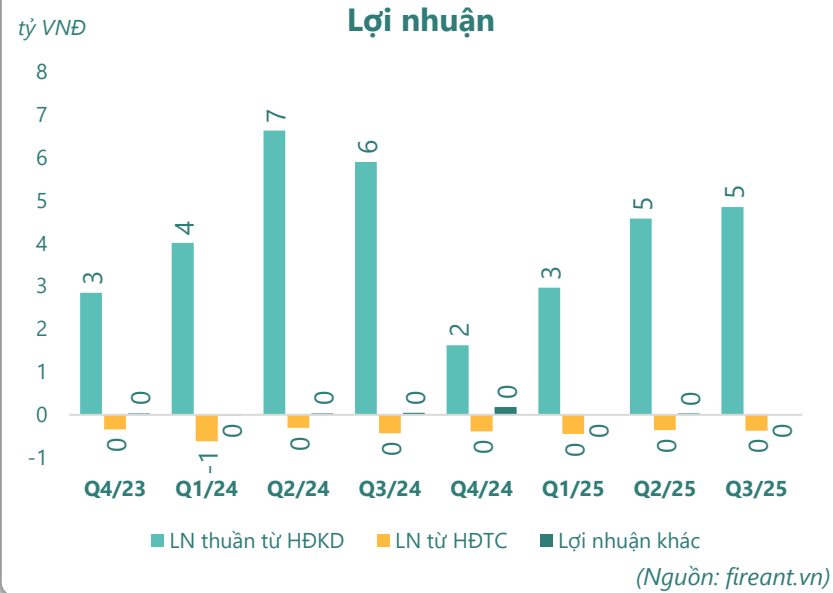
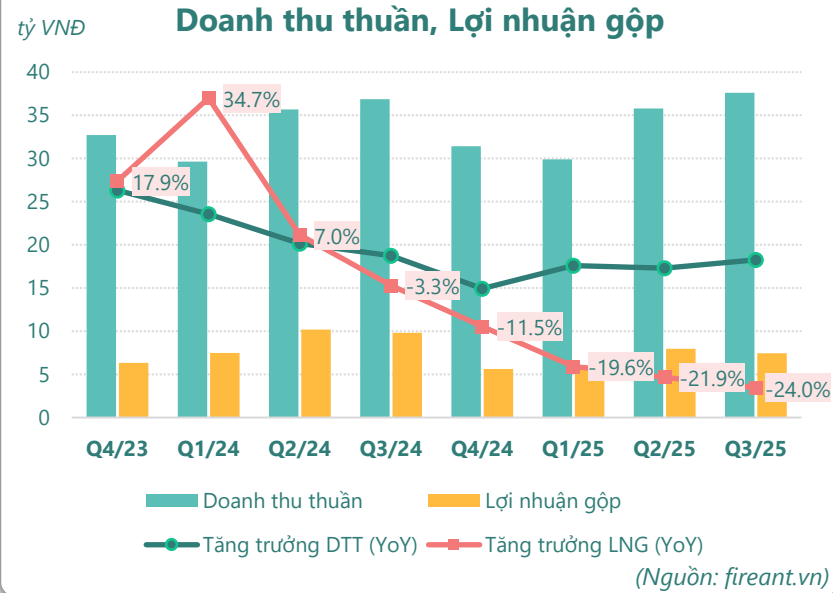
DT thuần 9T 2025
103
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00 1.1%

LN thuần 9T 2025
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 4.20 -25.1%

LN sau thuế 9T 2025
9.87
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.33 -25.5%



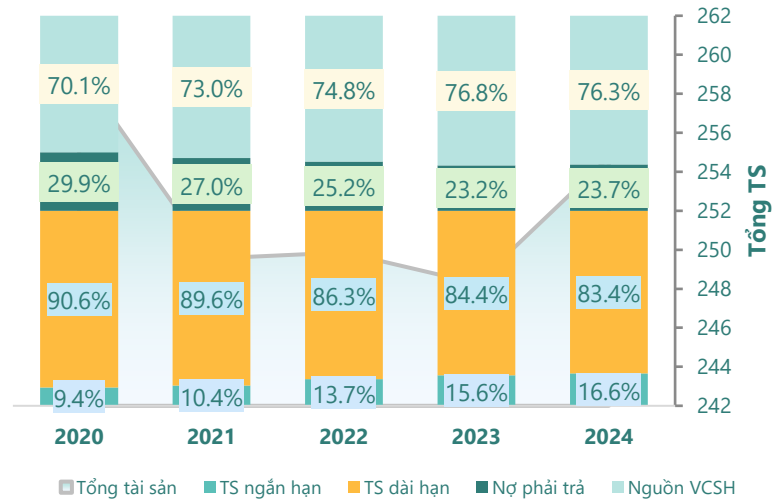
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

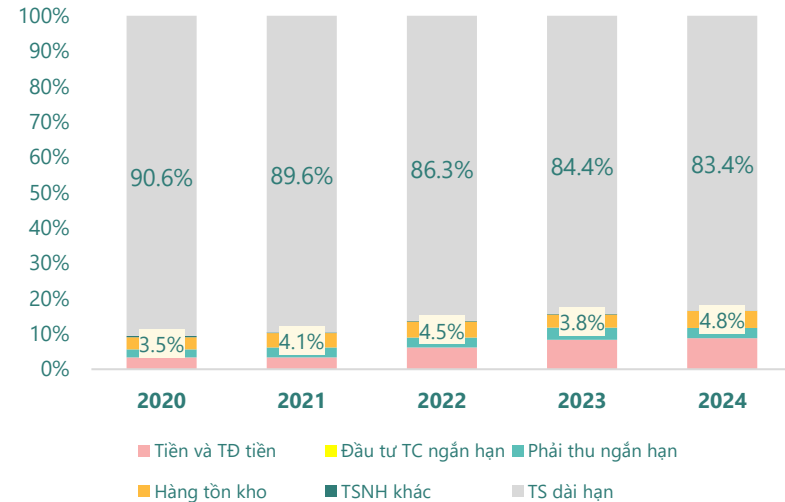
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

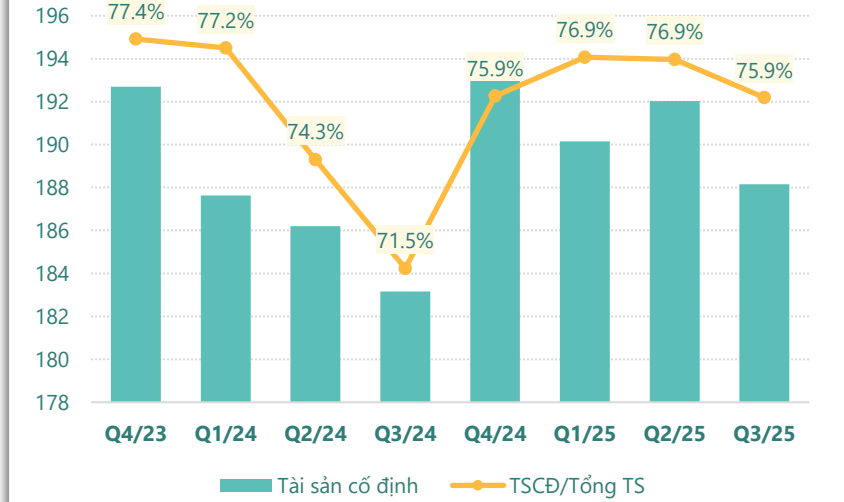
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

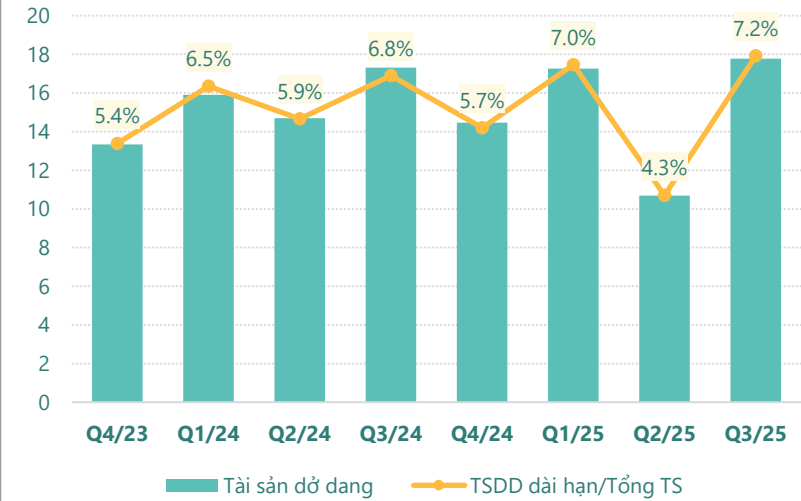
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

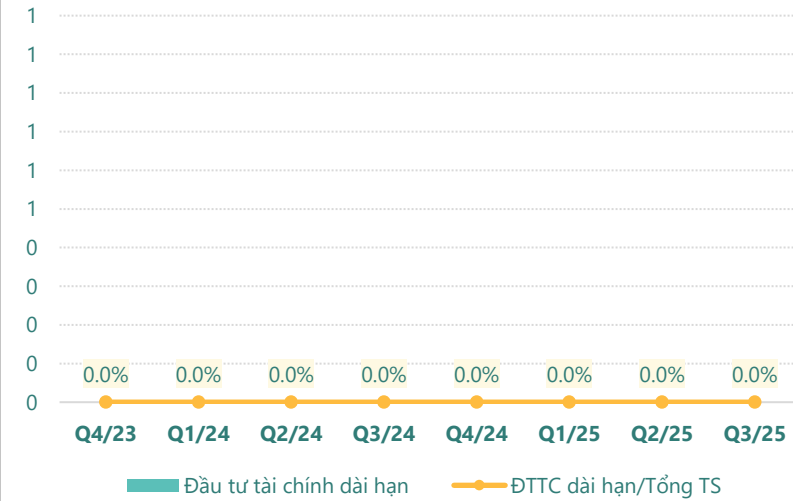
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

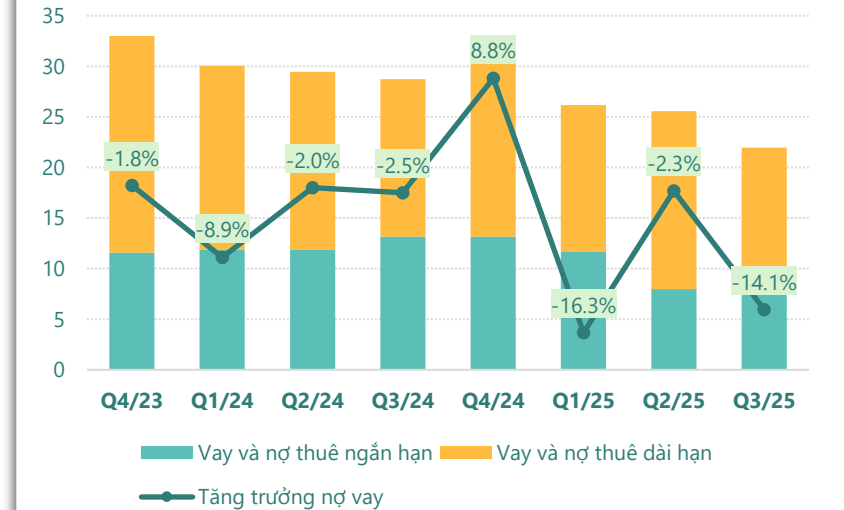
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

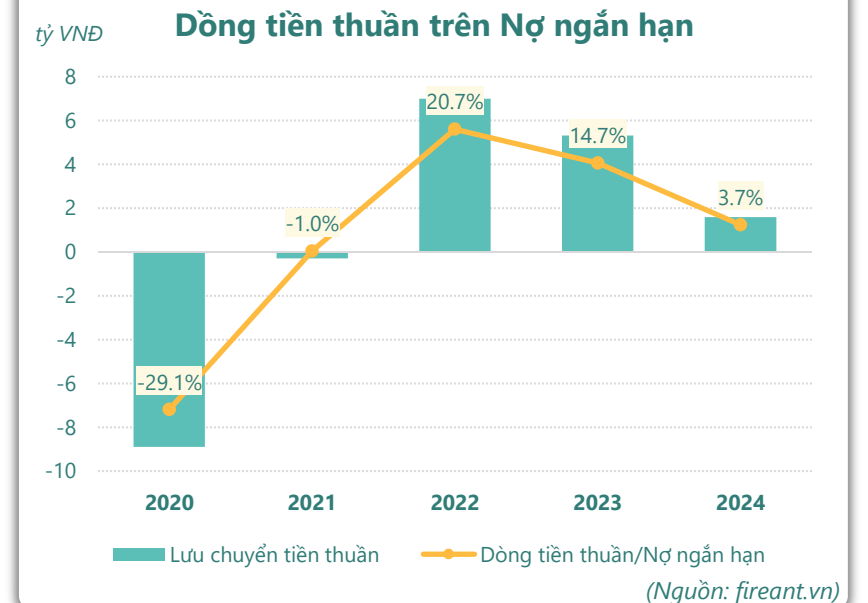
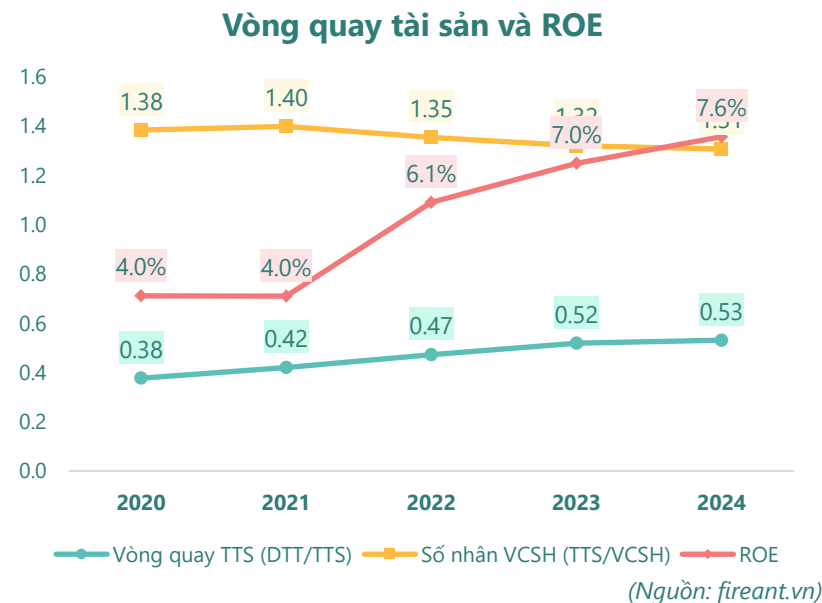
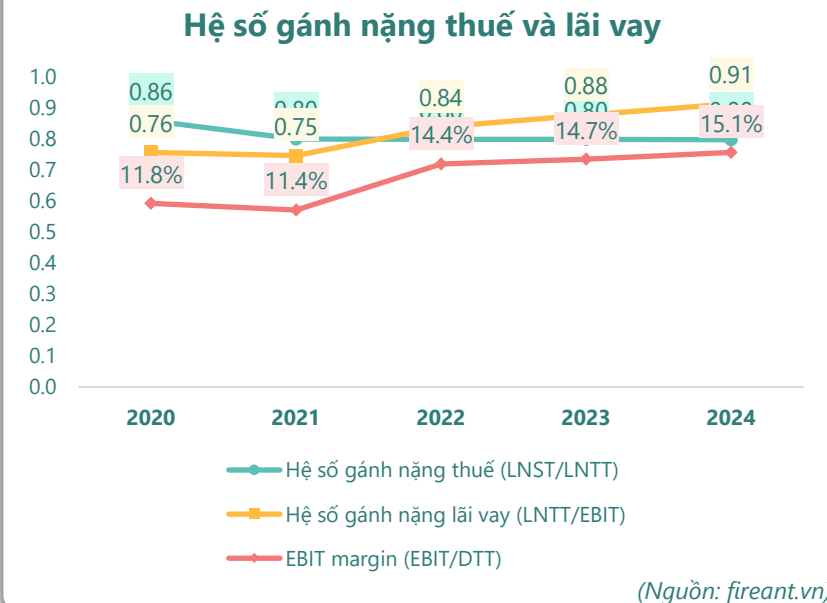
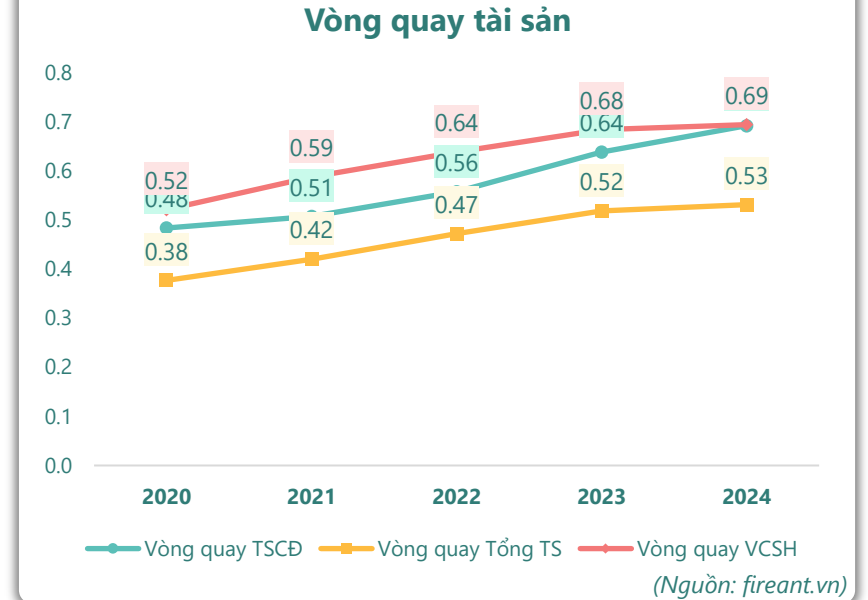
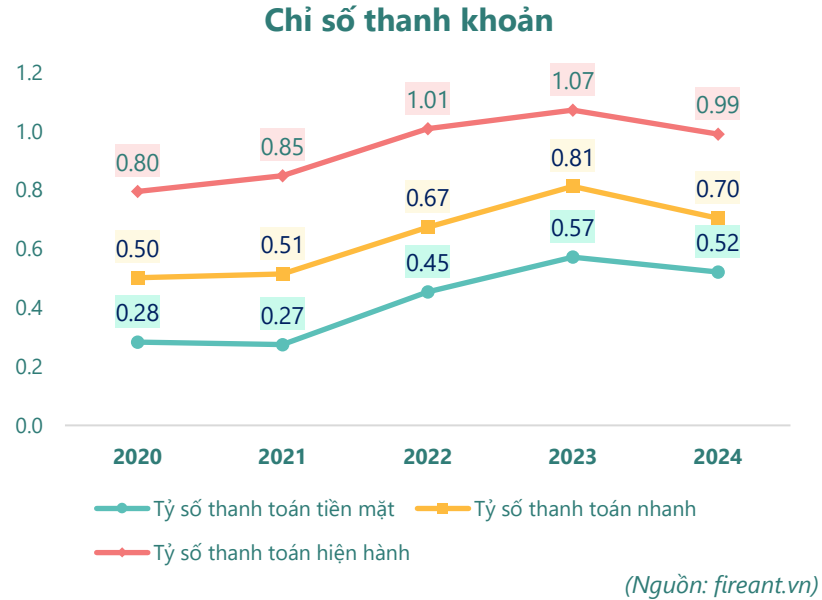
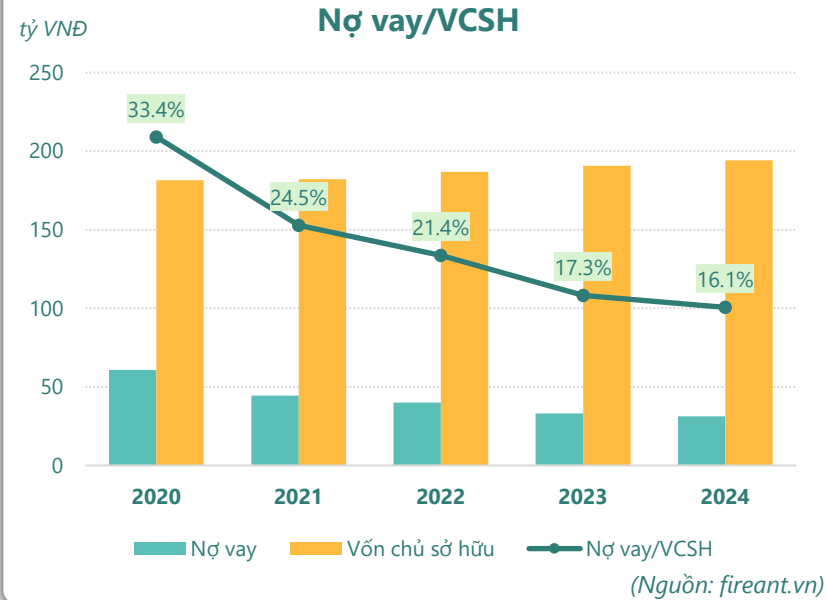
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	37.6	36.9	1.9%	103	102	1.1%
Giá vốn hàng bán	30.1	27.1	11.2%	81.8	74.7	9.5%
Lợi nhuận gộp	7.46	9.81	-24.0%	21.4	27.5	-22.0%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-41.0%	0.02	0.02	-23.5%
Chi phí TC	0.38	0.44	-14.0%	1.19	1.37	-13.1%
Chi phí lãi vay	0.38	0.44	-14.0%	1.19	1.37	-13.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.93	0.96	-2.8%	3.05	2.42	26.0%
Chi phí QLDN	1.30	2.52	-48.5%	4.80	7.15	-32.8%
LN thuần từ HĐKD	4.85	5.90	-17.7%	12.4	16.6	-25.1%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.04	-119%	0.02	0.06	-73.3%
LN trước thuế	4.85	5.95	-18.6%	12.4	16.6	-25.3%
Lợi nhuận sau thuế	3.87	4.75	-18.5%	9.87	13.2	-25.5%
LNST của CĐ cty mẹ	3.87	4.75	-18.5%	9.87	13.2	-25.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.7	-9.56	2.41	0.52	4.79	-5.28
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.06	4.92	-0.09	-0.26	-5.43	5.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.10	5.29	-0.99	-8.78	3.07	-3.59
Tiền đầu kỳ	15.8	20.3	21.0	22.3	13.8	16.2
Lưu chuyển tiền thuần	4.50	0.64	1.32	-8.52	2.43	-3.64
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.3	21.0	22.3	13.8	16.2	12.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	248	255	-2.7%
Tài sản ngắn hạn	37.6	42.3	-11.1%
Tiền và tương đương tiền	12.5	22.3	-43.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	11.3	7.44	51.4%
Hàng tồn kho	13.5	12.2	10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	0.35	-24.7%
Tài sản dài hạn	210	212	-1.0%
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.0%
Tài sản cố định	188	193	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.8	14.5	22.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.41	4.58	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	56.1	60.5	-7.2%
Nợ ngắn hạn	42.1	42.7	-1.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.98	13.4	-40.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.9	9.29	71.2%
Nợ dài hạn	14.0	17.8	-21.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.0	17.8	-21.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	192	194	-1.2%
Vốn chủ sở hữu	192	194	-1.2%
Vốn điều lệ	172	172	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

